TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 386/2019/HSPT
Ngày: 12/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn
Các Thẩm phán: 1/ Ông Đặng An Thanh
2/ Ông Nguyễn Hữu Ba

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên cao cấp, VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 136/2018/TLPT-HS ngày 09/3/2018 đối với bị cáo Đặng Xuân K và các bị cáo khác do các bị cáo kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2018/HS-ST ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1/ Đặng Xuân K sinh năm 1958 tại tỉnh Bình Định; nơi ĐKNKTT: Tổ Dân phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: Lớp 4/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Đặng Xuân P (chết) và bà Lê Thị P; vợ Trần Thị T; sống chung như vợ chồng với bà H'R, có 02 con.

Tiền án:

Bản án số 09/2008/HS-ST ngày 17/12/2008 của Tòa án nhân dân thị xã P phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc", chấp hành hình phạt tù xong, nộp án phí và hình phạt bổ sung vào ngày 02/10/2013 (sau khi đã phạm tội mới).

Bản án số 10/2014/HS-ST ngày 27/02/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông phạt 01 năm tù, phạt bổ sung 10.000.000 đồng về tội "đánh bạc" và truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền đánh bạc 1.000.000 đồng, bị cáo đã chấp hành hình phạt tù xong ngày 15/01/2015, chấp hành hình phạt bổ sung và án phí xong vào ngày 10/4/2014, nhưng chưa nộp 1.000.000 đồng tiền sử dụng vào việc đánh bạc.

Tiền sự: không.

Bị tạm giam từ ngày 25/8/2017 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ Trần Bình T, sinh năm 1976 tại tỉnh Bình Định; nơi ĐKNKTT: Tổ Dân phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P; con ông Trần Đình T và bà Phan Thị H; vợ Trần Thị Ngọc L, có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 18/8/2017. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 tại thành phố Hải Phòng; nơi ĐKNKTT: Tổ Dân phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: Lớp 7/10; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Văn P và bà Đào Thị X; vợ Mai Thị B, có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 18/8/2017 đến ngày 01/02/2018 tại ngoại. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Những người tham gia tố tụng khác:

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Luật sư Bùi Quang Tuấn - Văn phòng luật sư Hoài An, thuộc Đoàn LS tỉnh Đăk Nông (Luật sư có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Xuân K: Luật sư Huỳnh Kim Minh Thư - Văn phòng luật sư Minh Thi, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 20/C2, Đường 03/02, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Ngoài ra, còn có bị cáo Trần Văn L không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đặng Xuân K kết hôn với bà Trần Thị T theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/10/2007, nhưng sau đó hai người không chung sống với nhau. Sau nhiều lần đến Tòa án thị xã P tìm hiểu thủ tục ly hôn, vào tháng 02/2012, K đi tìm bà T để ly hôn nhưng không gặp.

Ngày 21/3/2017, K được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Gia Nghĩa đồng ý cho vay 400.000.000 đồng nhưng phải thế chấp quyền sử dụng đất và bổ sung thủ tục xác nhận tình trạng hôn nhân.

Đầu tháng 4 năm 2017, K điện thoại nhờ Trần Văn L tìm người hướng dẫn làm thủ tục ly hôn, L nói lại với Nguyễn Văn T thống nhất tìm người giúp K. T dẫn L và K đến gặp luật sư Nguyễn Thanh Huy tư vấn nhưng K không đồng ý theo tư vấn của Luật sư.

Sau đó, T nhờ Đoàn Văn T là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P làm giúp quyết định ly hôn nhưng T không đồng ý và T kêu T liên hệ nhờ Trần Bình T là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P làm giúp.

T và L đến gặp Trần Bình T, được Trần Bình T đồng ý và yêu cầu L, T cung cấp giấy chứng nhận kết hôn và thông tin của người cần ly hôn. Sau đó, L và T nói với K đã tìm được người làm giúp quyết định ly hôn với chi phí 8.000.000 đồng và xin thêm 1.000.000 đồng, tổng cộng 9.000.000 đồng thì K đồng ý. K đưa cho L bản photo trích lục hôn nhân, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân để đưa cho Trần Bình T và K đưa trước 5.000.000 đồng.

Sau khi nhận được các tài liệu về hôn nhân của K với T, Trần Bình T sử dụng máy vi tính mà Trần Bình T thường sử dụng tại Tòa án nhân dân thị xã P để soạn thảo in ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 50/2017/QĐST-HNGĐ đề ngày 13/4/2017, cắt dán chữ ký của thẩm phán Đỗ Thị T vào rồi tự ý lấy con dấu Tòa án nhân dân thị xã P đóng vào để hoàn chỉnh Quyết định công nhận thuận tình ly hôn giả rồi đưa cho T, T đưa cho Trần Bình T 5.000.000 đồng và điện báo cho L biết. Sau đó, T và L mang Quyết định thuận tình ly hôn giả đến nhà K nhưng K không có ở nhà nên L giao Quyết định công nhận thuận tình ly hôn giả cho chị H'R.

Ngày 25/4/2017, K mang Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 50/2017/QĐST-HNGĐ đề ngày 13/4/2017 cùng các giấy tờ tùy thân đến làm thủ tục thì được Ủy ban nhân dân phường N, thị xã P cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân rồi đem đến nộp cho Ngân hàng làm thủ tục thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng do trong Quyết định ly hôn không thể hiện việc phân chia tài sản nên không công chứng được hợp đồng. K điện thoại báo cho L biết và yêu cầu sửa lại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn, L điện thoại trao đổi với T rồi điện báo cho Trần Bình T. Trần Bình T yêu cầu cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để Trần Bình T làm lại Quyết định khác.

Ngày 27/4/2017, Trần Bình T chỉnh sửa Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 50/2017/QĐST-HNGĐ đề ngày 13/4/2017 để làm giả Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2016/QĐST-HNGĐ đề ngày 12/01/2016 (chỉ khác là có phần chia tài sản).

Đầu tháng 5 năm 2017, L sử dụng tiền của K đưa để đưa cho Trần Bình T 500.000 đồng. Sau khi về quê vào, Trần Bình T hoàn chỉnh rồi đưa cho L và T Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2016/QĐST-HNGĐ đề ngày 12/01/2016, L điện thoại cho K đến lấy và mang Quyết định này đến Ủy ban nhân dân phường N đề nghị cấp lại giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Cán bộ Tư pháp phát hiện sự bất thường của hai Quyết định công nhận thuận tình ly hôn nên hướng dẫn K đến Tòa án nhân dân thị xã P đề nghị hủy bỏ 01 Quyết định và đồng thời có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân thị xã P kiểm tra lại sự việc.

Ngày 17/5/2017, K mang hồ sơ vay vốn đến Văn phòng công chứng Nguyễn

Văn T công chứng hợp đồng thế chấp rồi nộp cho Ngân hàng và được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh P cho vay 400.000.000 đồng.

Ngày 29/5/2017, K đưa cho L và T 5.000.000 đồng còn lại. Nhận đủ tiền, L viết và cùng T ký vào giấy vay nợ đề ngày 29/5/2017 số tiền 10.000.000 đồng hẹn 06 tháng sau sẽ trả. L và T chia mỗi người 2.500.000 đồng để tiêu xài.

Ngày 31/5/2017, Ngân hàng phát hiện K sử dụng Quyết định ly hôn giả nên yêu cầu K phải trả nợ trước hạn. K gọi điện thoại yêu cầu L và T trả lại tiền. T điện thoại báo cho Trần Bình T biết, Trần Bình T trả 1.500.000 đồng cho T và L nhưng T và L không trả lại cho K mà chia T 700.000 đồng, L 600.000 đồng và cho anh V 200.000 đồng tiêu xài.

Tòa án nhân dân thị xã P xác định từ năm 2015 đến năm 2017, Tòa án nhân dân thị xã P không có thụ lý giải quyết và cũng không có ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự giữa ông Đặng Xuân K với bà Trần Thị T.

Tại bản kết luận giám định số: 47-GĐTL/PC54 ngày 20-6-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Hình dấu tròn "Tòa án nhân dân thị xã P" và hình dấu chữ nhật "Án để thi hành" trên Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 02/2016/QĐST-HNGĐ ngày 12-01-2016 so với các mẫu dấu trên tài liệu mẫu là do cùng một con dấu in ra.

Tại bản kết luận giám định số: 97-GĐTL/PC54 ngày 22-9-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

Chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1, A2) so với chữ viết trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người viết ra.

Chữ ký, chữ viết mang tên: Trần Văn L trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Văn L trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký, chữ viết mang tên: Nguyễn Văn T trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn T trên tài liệu mẫu (ký hiệu M4, M5, M6) là do cùng một người ký, viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2018/HSST ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Tuyên bố Đặng Xuân K, Trần Bình T, Nguyễn Văn T và Trần Văn L phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Xử phạt bị cáo Đặng Xuân K 02 năm 06 tháng tù, tính từ ngày 25/8/2017.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Xử phạt bị cáo Trần Bình T 02 năm tù, tính từ ngày 18/8/2017.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; khoản 1 khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường N, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Trần Văn L 02 năm tù, quyết định về biện pháp tư pháp; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/02/2018, bị cáo Đặng Xuân K có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 07/02/2018, bị cáo Trần Bình T có đơn kháng cáo đề nghị xem xét xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS(P1) ngày 12/02/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông theo hướng tăng hình phạt đối với Đặng Xuân K và không cho Nguyễn Văn T hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đặng Xuân K không nhận tội, bị cáo Trần Bình T, Nguyễn Văn T đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bài bào chữa của Luật sư Bùi Quang Tuấn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố cho hoàn cảnh của gia đình bị cáo T rất khó khăn, nên cần cho bị cáo mức án nhẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng lời khai của bị cáo K thể hiện không ăn năn hối cải, quanh co chối tội, bị cáo là người chủ mưu, khởi xướng và trực tiếp chi tiền để làm các tài liệu biết là giả. Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo 2 năm 6 tháng tù là chưa nghiêm, nên đề nghị tăng án lên 3 năm 6 tháng tù. Đối với bị cáo T là người giúp sức tích cực, án sơ thẩm cho bị cáo hưởng án treo là chưa thỏa đáng, nên đề nghị chấp nhận kháng nghị không cho bị cáo hưởng án treo, đối với bị cáo Trần Binh T đề nghị giữ nguyên mức án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà phúc thẩm, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, với phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của các bị cáo và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo, kháng nghị hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư Huỳnh Kim Minh Thư đã được tòa án triệu tập hợp lệ theo luật định, bị cáo K cũng đồng ý không cần có mặt luật sư. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt luật sư.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Do có nhu cầu vay vốn Ngân hàng để đầu tư sản xuất, đăng ký kết hôn với chị H'R và làm giấy khai sinh cho con của mình nên vào khoảng tháng 4 năm 2017, Đặng Xuân K đã nhờ Trần Văn L, Nguyễn Văn T giúp gặp và nhờ Trần Bình T đã 02 lần làm giả 02 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự giữa Đặng Xuân K và bà Trần Thị T, chi phí hết số tiền 10.500.000 đồng. Sau khi có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, Đặng Xuân K được Ủy ban nhân dân phường N, thị xã P cấp giấy chứng nhận xác nhận tình trạng hôn nhân và được Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh thị xã P, tỉnh Đắk Nông cho vay số tiền 400.000.000 đồng.

[2.2] Theo khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" như sau:

"1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến năm năm:

b) Phạm tội nhiều lần;

d) Tái phạm nguy hiểm."

[2.3] Đối chiếu với trường hợp của các bị cáo thì thấy, các bị cáo cùng nhau hai lần làm giả hai Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa Đặng Xuân K và bà Trần Thị T.

Riêng bị cáo Đặng Xuân K trước đây có tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" đây là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 267 của Bộ Luật hình sự như đã viện dẫn.

[2.4] Xét về tính chất, vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo K giữ vai trò chủ mưu, khởi xướng; bị cáo Trần Bình T thực hành tích cực nhất và trực tiếp làm

giả 02 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn; các bị cáo T, L giữ vai trò giúp sức. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính tư pháp của Nhà nước về con dấu, tài liệu và đã ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Bình T với mức án 2 năm tù là thỏa đáng có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như ăn năn hối hận, thật thà khai báo, có bố mẹ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, nay bị cáo kháng cáo xin giảm án nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị cáo T mức án 2 năm tù là thỏa đáng, có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như ăn năn hối hận, thật thà khai báo, có bố mẹ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, tuy nhiên việc cho bị cáo hưởng án treo là chưa bảo đảm tính nghiêm minh, nên có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, không cho bị cáo hưởng án treo, sửa án sơ thẩm về phần này.

Đối với bị cáo K, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 2 năm 6 tháng tù là đã có xem xét đến mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo luật định, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không thành khẩn, quanh co chối tội, nhưng cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo kêu oan của mình, nên không có cơ sở chấp nhận, mức án sơ thẩm là thỏa đáng nên cũng không có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc đề nghị tăng án đối với bị cáo K.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo, nên bị cáo Đặng Xuân K và bị cáo Trần Bình T phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Không chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đặng Xuân K, bị cáo Trần Bình T; Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

2/ Tuyên bố Đặng Xuân T, Trần Bình T, Nguyễn Văn T và Trần Văn L phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Đặng Xuân K 02 năm 06 tháng tù, tính từ ngày 25/8/2017.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Trần Bình T 02 năm tù, tính từ ngày 18/8/2017.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ 18/8/2017 đến ngày 01/02/2018.

3/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đặng Xuân K, bị cáo Trần Bình T, mỗi người phải chịu số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐẶNG AN THANH **NGUYỄN HỮU BA** **LÊ HOÀNG TẤN**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện KSND cấp cao tại Tp. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Công an tỉnh Đắk Nông;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo (Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Nông tống đạt cho bị cáo) (để thi hành);
- UBND xã (phường) nơi cư trú của bị cáo (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án (19-PQH)

LÊ HOÀNG TẤN